SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIỀN HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1142/QĐ-BVTH

Hưng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027
phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIỀN HẢI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ luật số 57/2024/QH15 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu.

Căn cứ luật số 90/2025/QH15 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số nội dung điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung Nghị định số 98/2021/NĐ-CP nghị định về quản lý trang thiết bị y tế

Căn cứ nghị định số 04/2025/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 13/TTr-TVMS ngày 14/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027 phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027 phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chuyên gia đấu thầu và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027 phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIỀN HẢI

Q. GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Dưỡng

Phụ lục: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027 phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải

(Kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-BVTH ngày 15/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027	Mua sắm vật tư y tế, hoá chất bổ sung năm 2026-2027 phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Tiền Hải	1.862.714.730	Nguồn thu khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện	Chào giá trực tuyến rút gọn		20 ngày	Quý IV năm 2026	Trọn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu:				**1.862.714.730**									

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng./.)

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT BỔ SUNG NĂM 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-BVTH phê duyệt KHLCNT ngày 15 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
1	Chỉ phẫu thuật số 1	Sợi	10	Mỹ	W8450G	PROLENE	Ethicon, LLC	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 1, dài 100 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim có Chrome, Niken, Titan, dài 45 mm, 1/2 C, đường kính kim 1.2700 mm, độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	156.363	1.563.630
2	Chỉ phẫu thuật các số (2/0;3/0;4/0; 5/0)	Sợi	110	Mỹ	W8977; W8522; W8355; W8721	PROLENE	Ethicon, LLC	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene kim tròn tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%- 9,5%, hàm lượng Crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng Molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp Tantalum và Tintan không quá 2,1% mang lại độ bền kéo kim > 2.750 MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập): chỉ số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V- 7, dài 26mm ½ vòng tròn, thân kim có rãnh; chỉ số 3/0 dài ≥90cm 2 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm ½ vòng tròn; chỉ số 4/0 dài 90cm 2 kim tròn đầu tròn màu đen visi-black SH, dài 26mm ½ vòng tròn, thân kim có rãnh; chỉ số 5/0 dài 75cm 2 kim tròn đầu cắt CC- 1, dài 13mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Đạt tiêu chuẩn CE, CFG-FDA	195.000	21.450.000
3	Chỉ thép các cỡ (cuộn 10m)	Cuộn	10	Pakistan	K-7-1-1; K-7-1-2; K-7-1-3; K-7-1-4; K-7-1-5; K-7-1-6; K-7-1-7; K-7-1-8	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Đường kính chỉ thép: 0,3/0,4/0,5/0,6/0,7/0,8/0,9/1,0 mm, cuộn dài 10m. Chất liệu thép không gỉ.	220.000	2.200.000
4	Clip polyme	Cái	80	Anh	0301-03XL; 0301-03L; 0301-03ML	Click'aV®	Grena Ltd.	Từ năm 2025 trở về sau	'- Nguyên liệu: Polymer - Có khóa. Đóng nhanh, hiệu quả, an toàn. - Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Các cỡ: ML, L, XL Kẹp được mạch máu : 3-10 mm (ML); 5-13 mm (L); 7- 16 mm (XL) Độ dài chân bên ngoài 9.50mm (ML), 15.00mm (L), 17.80mm (XL). Độ dày chân Clip 0.83mm (ML), 1.29mm (L, XL). Đường kính vấu giữ 1.10 mm (ML), 1.20mm (L), 1.30mm (XL). Khoảng cách của vấu trong dụng cụ kẹp clip 7.50 mm (ML), 10.20mm (L), 14.20mm (XL), khớp nối động.	70.000	5.600.000
5	Đinh nhọn đường kính các cỡ	Cái	60	Pakistan	K-2-1-10, K-2-1-1.2, K-2-1-1.5, K-2-1-1.8, K-2-1-2.0, K-2-1-2.5, K-2-1-3.0	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Đường kính: 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0mm Chiều dài: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	68.000	4.080.000
6	Dụng cụ cắt trĩ	Cái	20	Trung Quốc	KYHSA-32; KYHSB-32; KYHSA-34; KYHSB-34	CELTICS	JiangSu Celtics Meditech Co.,Ltd.	Từ năm 2025 trở về sau	*Gồm các cỡ: 32; 34 *Cấu hình gồm: - Thân máy: 1 cái - Dụng cụ nong hậu môn: 1 cái - Dụng cụ banh hậu môn: 1 cái - Dụng cụ banh khâu trĩ: 1 cái - Que móc chỉ khâu: 1 cái *Thông số: đường kính trong: 23/24,2mm; Có 2 hàng Ghim Titan chứa 34 ghim. Đường kính ngoài 32-34 mm. Có khóa an toàn tự động	2.700.000	54.000.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
7	Lưới điều trị thoát vị	Miếng	60	Thổ Nhĩ Kỳ	DM1015	Duzey	Duzey Medikal Cihazlar Sanayi Ticaret Limited Sirteti	Từ năm 2025 trở về sau	Chất liệu Polypropylene, kích thước 10 x 15 cm	550.000	33.000.000
8	Nẹp bản hẹp 8 lỗ	Cái	60	Pakistan	75-1-8	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 8 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	530.000	31.800.000
9	Nẹp cẳng chân 10 lỗ	Cái	40	Pakistan	75-1-10	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Nẹp: Dày 4,5mm; rộng 12,0mm Có 10 lỗ Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500.000	20.000.000
10	Nẹp thân xương đùi	Cái	20	Pakistan	129-1-4, 129-1-5, 129-1-6, 129-1-7, 129-1-8, 129-1-9, 129-1-10, 129-1-11, 129-1-12, 129-1-14, 129-1-16	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ	700.000	14.000.000
11	Nẹp chữ T nhỏ dùng cho xương quay	Cái	30	Pakistan	87-2-3, 87-2-4, 87-2-5	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 1,5mm; rộng 11,0mm Có 3/4/5 lỗ trái Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	665.000	19.950.000
12	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Cái	26	Pakistan	119-1-4, 119-1-6, 119-1-8, 119-1-10, 119-1-12, 119-1-14, 119-2-4, 119-2-6, 119-2-8, 119-2-10, 119-2-12, 119-2-14	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 3,0mm Có 4/6/8/10/12/14 lỗ trái, phải Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8) Quy cách đóng gói: 1 Cái / túi.	3.835.000	99.710.000
13	Nẹp khoá đầu trên xương chày	Cái	10	Pakistan	111-1-3; 111-1-5; 111-1-7; 111-1-9; 111-1-11; 111-1-13, 111-2-3; 111-2-5; 111-2-7; 111-2-9; 111-2-11; 111-2-13	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày khoảng 4,0mm; rộng khoảng 16,0mm Có 3/5/7/9/11/13 lỗ trái, phải Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu từ thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3.700.000	37.000.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
14	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	300	Pakistan	50-1-1-14, 50-1-1-16, 50-1-1-18, 50-1-1-20, 50-1-1-22, 50-1-1-24, 50-1-1-26, 50-1-1-28, 50-1-1-30, 50-1-1-32, 50-1-1-34, 50-1-1-36, 50-1-1-38, 50-1-1-40, 50-1-1-42, 50-1-1-44, 50-1-1-46, 50-1-1-48, 50-1-1-50, 50-1-1-55, 50-1-1-60, 50-1-1-65, 50-1-1-70, 50-1-1-75, 50-1-1-80, 50-1-1-85, 50-1-1-90	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Kiểu vít tự taro; Đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm; - Các cỡ, chiều dài từ 14mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	180.000	54.000.000
15	Vít khóa xốp 6.5mm ren 32mm	Cái	320	Pakistan	65-3-1-35, 65-3-1-40, 65-3-1-45, 65-3-1-50, 65-3-1-55, 65-3-1-60, 65-3-1-65, 65-3-1-70, 65-3-1-75, 65-3-1-80, 65-3-1-85, 65-3-1-90, 65-3-1-95, 65-3-1-100	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dài 35-100mm với bước tăng 5mm, ren 32mm. Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 4,5mm; Đường kính thân ren: 6,5mm. Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543, ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Chất liệu thép không gỉ (C: ≤0,03; Si: ≤ 0,37; Mn: ≤2,0; P: ≤0,045; S: ≤0,03: Ni: ≥14,27; Cr: ≥17,52; Fe: ≤62,8)	390.000	124.800.000
16	Nẹp mắt xích các cỡ	Cái	100	Pakistan	78-1-6, 78-1-7, 78-1-8, 78-1-9, 78-1-10, 78-1-11, 78-1-12, 78-1-13, 78-1-14	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	- Chất liệu thép không gỉ - Nẹp mắc xích (tái tạo) có 6-14 lỗ - Dày 2.8mm, rộng 10.0mm - Khoảng cách các lỗ 12.0mm - Sử dụng vít đường kính 3.5mm	599.000	59.900.000
17	Nẹp móc xương đòn các cỡ	Cái	20	Pakistan	54-1-3, 54-1-4, 54-1-5	Orthon Innovations	Orthon Innovations -Pakistan	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 2,5mm. Có 3/4/5 lỗ phải, Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	850.000	17.000.000
18	Nẹp ngón tay	Cái	40	Pakistan	"96-1-4, 96-1-5, 96-1-6, 96-1-7, 96-1-8"	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	"Chất liệu bằng thép không gỉ. - Nẹp ngón tay có từ 2/3/4/ 5/6/ 7/8 lỗ, dài 12,4/18,4/24,4/30,4/36,4/42,4 mm"	415.800	16.632.000
19	Nẹp xương cánh tay, cẳng tay	Cái	80	Pakistan	77-1-4, 77-1-5, 77-1-6, 77-1-7, 77-1-8, 77-1-9, 77-1-10, 77-1-12	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	337.000	26.960.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
20	Sonde jj	Cái	60	Thổ Nhĩ Kỳ	500 xxx	Plasti-med	Plasti-med Plastik Medikal Ürünler Sanayi ve Ticaret Limited Şirketi	Từ năm 2025 trở về sau	- Ống thông niệu quản dùng để dẫn lưu, thời gian lưu cho phép lên đến 3 tháng - Sonde JJ: + Chất liệu: làm bằng TPU + Thiết kế 2 đầu cong (JJ), 2 lỗ mở + Có vạch chia chiều dài trên thân ống, có cản quang, Sonde có gắn chỉ ở đầu cuối. + Kích thước các cỡ tương ứng + Cỡ 3Fr (chiều dài từ 8 - 26cm) + Cỡ 4Fr (chiều dài từ từ 10 - 30cm) + Cỡ 4.7Fr - 6Fr (chiều dài từ từ 8 - 30cm) + Cỡ 7Fr (chiều dài từ từ 24 - 30cm) - Que đẩy: làm bằng PP, có màu đỏ, dài (45-70-75-90) cm ± 0,5 cm, tương thích với cỡ ống thông + Chất liệu: làm bằng PP, có màu đỏ + Chiều dài (45-70-75-90) cm ± 0,5 cm, tương thích với cỡ ống thông - Kẹp được làm bằng PP - Hàng mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	252.000	15.120.000
21	Vis 2.0 các cỡ	Cái	240	Pakistan	20-2-1-6; 20-2-1-8; 20-2-1-10; 20-2-1-12; 20-2-1-14; 20-2-1-16; 20-2-1-18; 20-2-1-20; 20-2-1-22; 20-2-1-24; 20-2-1-26; 20-2-1-28; 20-2-1-30	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Đường kính mũ vít 4,0mm; chiều dài từ 6mm-30mm, Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	90.000	21.600.000
22	Vít 3.5 xốp các cỡ	Cái	60	Pakistan	35-12-1-14; 35-12-1-16; 35-12-1-18; 35-12-1-20; 35-12-1-22; 35-12-1-24; 35-12-1-26; 35-12-1-28; 35-12-1-30; 35-12-1-32; 35-12-1-34; 35-12-1-36; 35-12-1-38; 35-12-1-40; 35-12-1-42; 35-12-1-44; 35-12-1-46; 35-12-1-48; 35-12-1-50; 35-12-1-55; 35-12-1-60; 35-12-1-65; 35-12-1-70; 35-12-1-75; 35-12-1-80	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Chất liệu thép không gỉ Loại dài 14-50mm với bước tăng 2mm; Loại dài 55-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	120.000	7.200.000
23	Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75mm	Cái	1.800	Pakistan	35-8-3-10, 35-8-3-12, 35-8-3-14, 35-8-3-16, 35-8-3-18, 35-8-3-20, 35-8-3-22, 35-8-3-24, 35-8-3-26, 35-8-3-28, 35-8-3-30, 35-8-3-32, 35-8-3-34, 35-8-3-36, 35-8-3-38, 35-8-3-40, 35-8-3-42, 35-8-3-44, 35-8-3-46, 35-8-3-48, 35-8-3-50	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	50.000	90.000.000
24	Vít xốp đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	160	Pakistan	40-1-1-14, 40-1-1-16, 40-1-1-18, 40-1-1-20, 40-1-1-22, 40-1-1-24, 40-1-1-26, 40-1-1-28, 40-1-1-30, 40-1-1-32, 40-1-1-34, 40-1-1-36, 40-1-1-38, 40-1-1-40, 40-1-1-42, 40-1-1-44, 40-1-1-46, 40-1-1-48, 40-1-1-50	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 4,0mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	132.000	21.120.000
25	Vís xương xốp 4.5mm	Cái	240	Pakistan	45-3-1-25 45-3-1-30 45-3-1-35 45-3-1-40 45-3-1-45 45-3-1-50 45-3-1-55 45-3-1-60 45-3-1-65 45-3-1-70 45-3-1-75 45-3-1-80	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dài 25-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 7,0-8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0-4,0mm; Đường kính thân ren: 4,5mm Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	120.000	28.800.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
26	Vis 4.5 các cỡ	Cái	520	Pakistan	45-1-1-14, 45-1-1-16, 45-1-1-18, 45-1-1-20, 45-1-1-22, 45-1-1-24, 45-1-1-26, 45-1-1-28, 45-1-1-30, 45-1-1-32, 45-1-1-34, 45-1-1-36, 45-1-1-38, 45-1-1-40, 45-1-1-42, 45-1-1-44, 45-1-1-46, 45-1-1-48, 45-1-1-50	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	50.000	26.000.000
27	Clip Titan	Cái	80	Vương Quốc Anh	0301-01S; 0301-01M; 0301-01ML; 0301-01L	LigaV®	Grena Ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Clip Titan kẹp mạch máu các cỡ S, M, ML, L: - Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip - Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3,7-5,4-9,0-12,3mm	60.000	4.800.000
28	Nẹp đầu trên xương cánh tay	Cái	14	Pakistan	5-1-4; 5-1-5; 5-1-6; 5-1-7; 5-1-8; 5-1-9; 5-1-10	Orthon Innovations	Orthon Innovations	Từ năm 2025 trở về sau	Dày khoảng 3,0mm; rộng khoảng 12,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu từ thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	2.300.000	32.200.000
29	Cốc đựng bệnh phẩm có nắp	Cái	2.000	Việt Nam	PFA0010502	Polygreen	Công ty TNHH Polygreen Việt Nam	Từ năm 2025 trở về sau	Lọ nhựa, thể tích 60ml, dùng để đựng mẫu nước tiểu	1.640	3.280.000
30	Kim chích máu đầu ngón tay	Cây	20.000	Trung Quốc	Blood lancet	Kim chích máu đầu ngón tay	Taizhou Kangjian Medical Equipments Co., Ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Lấy máu cho máy thử đường huyết và các chỉ số sinh hóa máu khác.	252	5.040.000
31	Test nhanh 5 trong 1 (cúm AB, RSV, Covid, ADV)	Test	1.000	Trung Quốc	Flowflex™ SARS-CoV-2 & Flu A/B & RSV & Adenovirus Antigen Combo Rapid Test	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Từ năm 2025 trở về sau	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2, cúm A/B, RSV và Adenovirus trong mẫu dịch mũi hoặc dịch tỵ hầu của người. Chỉ sử dụng cho chẩn đoán in vitro chuyên nghiệp. Ngưỡng phát hiện (LoD): SARS-CoV-2: 1,60 × 10^2 $TCID_{50}$/mL Flu A: 6,88 × 10^2 $TCID_{50}$/mL Flu B: 1,88 × 10^3 $TCID_{50}$/mL RSV: 1,58 × 10^2 $TCID_{50}$/mL Adenovirus: 4,35 × 10^4 $TCID_{50}$/mL Độ nhạy tương quan: ≥95%; Độ đặc hiệu tương quan: ≥98%; Độ chính xác tương quan: ≥97%	60.000	60.000.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
32	Dengue NS1 Ag (Test nhanh phát hiện kháng nguyên virus Dengue Ag)	Test	100	Trung Quốc	R0063C	Onsite	Beijing Genesee Biotech, Inc	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ định: Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Thành phần hoạt chất: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag; Kháng thể thỏ kháng Dengue Ag; Kháng thể dê kháng IgG chuột Hạn dùng: 24 tháng Hiệu quả lâm sàng: - Độ nhạy tương quan: 95.8 % (95%CI*: 91.15%-98.06%) - Độ đặc hiệu tương quan: 96.1 % (95%CI*: 92.6%-98.04%) - Độ chính xác tương quan: 96.0 % (95%CI*: 93.42%-97.61%)	48.000	4.800.000
33	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 vi rút Dengue	Casset te/ Test	100	Việt Nam	IDENG-402	Trueline™ Dengue NS1 Ag Rapid Test	Medicon	Từ năm 2025 trở về sau	Khay thử xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần của người Độ nhạy: 99.04% Độ đặc hiệu: 99.32% Độ chính xác: 99.21% Thành phần chính: - Vạch thử nghiệm: được phủ kháng nguyên kháng sốt xuất huyết NS1 - Vạch đối chứng: kháng thể dê kháng chuột - Vùng cộng hợp: có chứa keo vàng kết hợp với kháng nguyên chống sốt xuất huyết. Đóng gói 25 Test bao gồm: - Khay thử: 25 khay - Đệm: 2 lọ - Ống nhỏ giọt: 25 ống nhỏ giọt dùng 1 lần	14.700	1.470.000
34	Test nhanh HP (Helicobacter pylori)	Test	200	Trung Quốc	ITP10002-TC40	InTec	InTec Products, Inc	Từ năm 2025 trở về sau	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Thành phần Kit thử: + Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng IgG người (0,16 µg) + Vạch kết quả : Kháng nguyên H.pylori (0,2 µg) + Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg) - Quy cách đóng gói: 40 test/hộp	10.540	2.108.000
35	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Test	2.500	Trung Quốc	ITP01102 -TC40	Rapid Anti-HCV Test	Intec Products, Inc.	Từ năm 2025 trở về sau	Test thử dạng khay; - Bệnh phẩm: Huyết thanh/ huyết tương, máu toàn phần; Test dạng khay (casset) - Phương pháp xét nghiệm: Định tính kháng thể của virus viêm gan C - Độ nhạy 100 %; Độ đặc hiệu: 100 % - Đạt tiêu chuẩn ISO - Có Giấy phép lưu hành của Bộ Y tế	10.500	26.250.000
36	Test xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	2.500	Việt Nam	IHCB-301	Trueline	Công ty TNHH Medicon	Từ năm 2025 trở về sau	Que thử HCV Ab Rapid Test là xét nghiệm chuẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HCV tái tổ hợp. - Độ nhạy tương quan: 99.05%; - Độ đặc hiệu tương quan: 99.46%; - Độ chính xác tương quan: 99.33%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% - Đọc kết quả tại 15 phút.	9.828	24.570.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
37	Khay xét nghiệm kháng thể IgM virus viêm gan E	Test	500	Trung Quốc	101049	Hepatitis E Virus Antibody IgM	Hangzhou Testsea Biotechnology Co., Ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Xét nghiệm kháng thể IgM virus viêm gan E là xét nghiệm miễn dịch định tính dựa trên dải màng để phát hiện kháng thể IgM HEV trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương; Độ nhạy: 95,71% , Độ đặc hiệu : 98,42% Xét nghiệm kháng thể IgM của virus viêm gan E không cho thấy phản ứng chéo đối với các mẫu dương tính với kháng thể RSV, kháng thể Adeno, HBsAg, kháng thể giang mai, kháng thể H.Pylori và kháng thể HCV.	21.000	10.500.000
38	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E	Test	500	Việt Nam	IHE-302	Trueline™	Công ty TNHH Medicon	Từ năm 2025 trở về sau	- Khay thử xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng HEV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đối với kháng thể IgM kháng HEV - Độ nhạy tương quan: 93.3% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.55% Đối với kháng thể IgG kháng HEV - Độ nhạy tương quan: 90% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.68%	40.000	20.000.000
39	Bộ nhuộm vi sinh vật	Bộ	2	Công ty cổ phần SEMIND - Việt Nam	B250900	Melab	Công ty cổ phần SEMIND - Việt Nam	Từ năm 2025 trở về sau	Chai 250ml, Bộ gồm 04 Chai (Crystal Violet, Lugol, Decolor, Safranin)	1.150.000	2.300.000
40	Bộ hóa chất soi nhuộm tìm trực khuẩn xét nghiệm lao	Bộ	20	Việt Nam	MI010ST, MI014ST, MI020ST	Nam Khoa	Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại Nam Khoa Biotek	Từ năm 2025 trở về sau	Bộ hóa chất Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm tìm trực khuẩn kháng Acid để chẩn đoán lao. Bao gồm Carbon Fuchsin, Alcohol Acid, Methylen Blue. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Bộ 3 chai 500ml	1.460.000	29.200.000
41	Ống chống đông heparin	Ống	140.000	Việt Nam	ON-09: MPV	MPV	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Từ năm 2025 trở về sau	Ống nghiệm nhựa gồm thân ống vật liệu Polypropylene (PP), kích thước ống 12 x 75mm, gắn nắp nhựa High Density Polyethylene (HDPE). Ống được phủ hóa chất Lithium Heparin bên trong. Thể tích 4 mL. Tiệt trùng chiếu xạ, dùng 1 lần	650	91.000.000
42	Chỉ không tiêu liền kim số 1/0	Sợi	450	Trung quốc	Nylon suture 0; 2-0; 3-0; 4-0; 5-0; 6-0; 7-0; 8-0	Huaiyin medical	Huaiyin medical instruments Co., ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tiêu tổng hợp Polyamide (Tổng hợp từ Nylon 6 và Nylon 6.6) số 1, chỉ dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8C, dài 40mm	12.000	5.400.000
43	Chỉ không tiêu liền kim số 2/0	Sợi	900	Trung quốc	Nylon suture 0; 2-0; 3-0; 4-0; 5-0; 6-0; 7-0; 8-0	Huaiyin medical	Huaiyin medical instruments Co., ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tiêu tổng hợp Polyamide (Tổng hợp từ Nylon 6 và Nylon 6.6) số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8C, dài 26mm	12.000	10.800.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
44	Chỉ không tiêu số 3/0	Sợi	6.500	Tây Ban Nha	C0935352	DAFILON	B. Braun Surgical, S.A.	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim có độ nhám bề mặt ≤ 0.4Ra, hình tam giác, cong 3/8 vòng tròn DS 24mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn EU-MDR.	24.150	156.975.000
45	Chỉ không tiêu liền kim số 4/0	Sợi	1.440	Trung quốc	Nylon suture 0; 2-0; 3-0; 4-0; 5-0; 6-0; 7-0; 8-0	Huaiyin medical	Huaiyin medical instruments Co., ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tiêu tổng hợp Polyamide (Tổng hợp từ Nylon 6 và Nylon 6.6) số 4/0, chỉ dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8C, dài 16mm	12.000	17.280.000
46	Chỉ không tiêu kim tam giác số 5/0	Sợi	570	Việt Nam	M10E16	CPT	CPT	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ không tan tổng hợp số 5/0, dài 75 cm,, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	19.845	11.311.650
47	Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp số 2/0	Sợi	1.800	Việt Nam	GAB (GAB-GBHMA91ABB91) GAB (GAB-GXHKA61ABBX1) GAB (GAB-GXHJA61ABBX1) GAB (GAB-GBHIA61ABBS1) GAB (GAB-GXHHA61ABBM1) GAB (GAB-GXHGA61ABBH1)	ARES	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcare	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ Polyglycolic acid, đường kính 2/0, dài 75cm, phủ Polycaprolactone + Calcium stearate, màu tím - 1 kim, 1/2C, dài 30mm, đầu tròn - đóng gói đơn	35.000	63.000.000
48	Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp số 3/0	Sợi	1.800	Việt Nam	GAB (GAB-GBHMA91ABB91) GAB (GAB-GXHKA61ABBX1) GAB (GAB-GXHJA61ABBX1) GAB (GAB-GBHIA61ABBS1) GAB (GAB-GXHHA61ABBM1) GAB (GAB-GXHGA61ABBH1)	ARES	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcare	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ Polyglycolic acid, đường kính 3/0, dài 75cm, phủ Polycaprolactone + Calcium stearate, màu tím - 1 kim, 1/2C, dài 26mm, đầu tam giác - đóng gói đơn	35.000	63.000.000
49	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0	Tép	30	Tây Ban Nha	C2022015	Monosyn	B.Braun Surgical S.A	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% ε-Caprolacton + 14% trimethylen cacbonat) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) thành phần: Carbon, Mangan, Lưu huỳnh, Silic, Crom 17-19%, Niken 8-11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Phần thân gần chuôi kim được làm dẹt để tăng độ ổn định và chắc chắn trong kìm mang kim. Lực căng kéo nút thắt 28.66N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60-90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm và nhựa PET, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	96.285	2.888.550

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
50	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1	Sợi	500	Việt Nam	C50A40	CPT	Cty TNHH Chỉ Phẫu Thuật CPT	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	31.421	15.710.500
51	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1	Sợi	500	Ấn Độ	PGN012347	Mitsu	Meril Endo Surgery Pvt. Ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh tại vị trí kẹp kim giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	26.250	13.125.000
52	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1	Sợi	500	Bỉ	15400140	SMI	SMI AG	Từ năm 2025 trở về sau	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) số 1 dài 90cm kim tròn 1/2C dài 40mm. Duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone . Tiêu chuẩn ISO 13485, CE sản xuất tại Châu âu.	60.000	30.000.000
53	Ống máu lắng	Ống	2.500	Trung Quốc	SC3201	Ống nghiệm máu chân không Citrate 3.2%	Shanghai Orsin Medical Technology Co.,Ltd.	Từ năm 2025 trở về sau	Dùng để đựng máu xét nghiệm trong các xét nghiệm hóa sinh, huyết học. Sản phẩm sử dụng một lần.	5.500	13.750.000
54	Bộ cóng đo phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	30	Trung Quốc	630003	Shenzhen	Shenzhen New Industries Biomedical Engineering Co., Ltd -	Từ năm 2025 trở về sau	Cóng phản ứng nhựa hoặc vật liệu tương đương. - Hóa chất tương thích với máy miễn dịch tự động Maglumi 800 (Reaction Modules 6 x 64 reaction modules)	5.780.780	173.423.400
55	Test H.pylori nội soi dạ dày	Test	1.200	Việt Nam	SQH-011	TopSENSI ® HP Clotest	Công ty TNHH Giải Pháp Y Sinh ABT- Chi nhánh Long Hậu	Từ năm 2025 trở về sau	Bộ thuốc thử sinh hóa giúp phát hiện vi khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu bệnh phẩm sinh thiết dạ dày (vùng thân vị, hang vị, môn vị), thực quản, tá tràng hoặc môi trường nuôi cấy. Thông số kỹ thuật: Mẫu sinh thiết dạ dày hoặc môi trường nuôi cấy. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: >98.08% Độ chính xác >99.9%. Thành phần bộ kit: Urease 150µLx50: Urea ≥2%, Phenol red ≥ 0.04g, agar ≥ 4.0g, Na2HPO4, KH2PO4.	8.295	9.954.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
56	Gel bôi trơn	Tuýp	200	Việt Nam	300670-02	Merufa	Công ty cổ phần Merufa	Từ năm 2025 trở về sau	Hoà tan được trong nước. Dùng trong khám phụ khoa, bôi trơn âm đạo, thụt rửa đường tiết niệu, nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng.... Tuýp 82 g	60.000	12.000.000
57	Bộ xông khí dung có dây	Bộ	300	Trung Quốc	HTA0205; HTA0206; HTA0207; HTA0208	Nebulizer Mask	Hitec Medical Co., Ltd	Từ năm 2025 trở về sau	Chất liệu bằng PVC nguyên sinh cứng trong không độc hại	8.320	2.496.000
58	Mask phun khí dung trẻ em	Cái	1.400	Việt Nam	MNKD:MPV	MPV	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam	Từ năm 2025 trở về sau	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	14.500	20.300.000
59	Mask khí dung người lớn	Cái	1.000	Việt Nam	MNKD:MPV	MPV	Công ty Cổ phần Nhựa Y Tế Việt Nam	Từ năm 2025 trở về sau	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	14.500	14.500.000
60	Xi măng hàn, gắn răng	Hộp	24	Nhật Bản	GC GOLD LABEL 2 UNIVERSAL RESTORATIVE	GC GOLD LABEL 2 UNIVERSAL RESTORATIVE	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Từ năm 2025 trở về sau	Dùng để trám răng phục hồi. Sử dụng điều trị xoang III, V và răng trẻ em. Đặc biệt là một vật liệu đa năng dùng để trám lót và tái tạo cùi răng	680.000	16.320.000
61	Vật liệu trám, phục hình răng	Hộp	24	Nhật Bản	004426	GC Gold Label HS Posterior EXTRA	GC Corporation	Từ năm 2025 trở về sau	Gồm 15g powder, 8g liquid, là vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang I, II , cổ răng	1.260.000	30.240.000
62	Cloramin B	Kg	66	Trung Quốc	Cloramin B	Cloramin B	Wuhan Rui Sunny	Từ năm 2025 trở về sau	Cloramin B 25% trở lên.	118.000	7.788.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá kế hoạch	Thành tiền
63	Dầu Parafin	Chai	30	Cộng hòa Ấn Độ	DP	Dầu	Ral, Cộng hòa Ấn Độ	Từ năm 2025 trở về sau	Dầu parafil, dung dịch lỏng trơn, không màu, không mùi. Chai 500ml.	48.300	1.449.000

Tổng tiền: **1.862.714.730**

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIÊN HẢI

Q. GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Dưỡng